

Bản án số: 21/2025/HS-PT

Ngày: 13-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Nguyên

Ông Ung Quang Định

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 171/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Trần Văn T, Bùi Thị C do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2024/HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 17/01/1990 tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn L, sinh năm 1967 và bà Kiều Thị T1, sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến ngày 19/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thị C, sinh ngày 30/7/1965 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn C, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: B (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); chồng: Ông Trịnh N1, sinh năm 1965; Con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến ngày 09/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có 02 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T và Bùi Thị C thỏa thuận về việc C ghi số lô đề cho các đối tượng tham gia đánh bạc rồi chuyển 70,5% số tiền trên tịch đề cho T trước giờ mở thưởng đài miền N và miền T. Ngoài ra, Trần Văn T còn trực tiếp ghi số lô đề cho các đối tượng đánh đề. Để khuyến mãi, C và T nhận 72% tổng số tiền trên tịch đề, phần chênh lệch C được hưởng.

Cách thức đánh lô đề và tính tiền cụ thể như sau: Bao lô “hai chân” là ghi số có hai chữ số và lấy hai số cuối từ giải tám đến giải đặc biệt (18 lô số) của đài mở thưởng làm kết quả thắng thua; bao lô “ba chân” là ghi số có ba chữ số và lấy ba số cuối từ giải bảy đến giải đặc biệt (17 lô số) của đài mở thưởng làm kết quả thắng thua. Số đề “đầu đuôi hai chân” là ghi số có ba chữ số và lấy ba số cuối từ giải bảy đến giải đặc biệt của đài mở thưởng làm kết quả thắng thua; “đầu đuôi ba chân” là ghi số có ba chữ số và lấy kết quả của giải bảy là số đầu, ba số cuối của giải đặc biệt là số đuôi của đài mở thưởng làm kết quả thắng thua. Tỷ lệ chung tiền thắng là 01 chung gấp 70 lần đối với số đề bao lô “hai chân” và số đề “đầu đuôi hai chân”, 01 chung gấp 600 lần đối với số bao lô “ba chân” và “đầu đuôi ba chân”. Quy ước số “đầu đuôi” tính bằng tiền; số “bao lô” tính bằng điểm, “01 điểm” tương ứng với 1.000 đồng.

Lúc 17 giờ 41 phút ngày 20/12/2023, Công an thị xã H kiểm tra hành chính nhà Trần Văn T, phát hiện việc đánh lô đề, cụ thể như sau:

*** Đối với đài miền N (tỉnh Đồng Nai, thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng)**

- Bùi Thị C ghi số lô đề đài miền N cho khoảng 07 – 08 đối tượng lạ mặt với tổng số tiền trên tịch đề là 36.000.000 đồng. Cụ thể: đài Đồng Nai với tổng số tiền trên tịch đề là 13.620.000 đồng, đài Cần Thơ với tổng số tiền trên tịch đề là 12.000.000 đồng, đài Sóc Trăng với tổng số tiền trên tịch đề là 10.380.000 đồng. Số tiền thực tế C đã nhận từ người chơi đề là 25.920.000 đồng. C sử dụng tài khoản zalo của ông Trịnh N1 (sinh năm 1965, trú ở thôn C, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) chuyển tịch đề cho T. Đối chiếu kết quả xổ số, tịch đề của C trúng 24.500.000 đồng. Cụ thể: lô số 58 x 30 điểm, 83 x 10 điểm, 27 x 20 điểm, 21 x 10 điểm đối với đài Đ1; lô số 58 x 30 điểm, 62 x 30 điểm, 33 x 10 điểm (trúng 02 lô) đối với đài C1; lô số 26 x 10 điểm, 27 x 20 điểm, 19 x 10 điểm, 16 x 60 điểm, 61 x 60 điểm, 44 x 10 điểm (trúng 02 lô) đối với đài Sóc Trăng. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của C và T là 60.500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 540.000 đồng.

- Trần Thị N2 trực tiếp ghi số lô đề đài miền N với T qua ứng dụng Zalo, với tổng số tiền trên tịch đề là 16.815.000 đồng. Cụ thể: đài Đồng Nai với tổng số tiền trên tịch đề là 6.405.000 đồng, đài Cần Thơ với tổng số tiền trên tịch đề là 5.215.000 đồng, đài Sóc Trăng với tổng số tiền trên tịch đề là 5.195.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số, tịch đề của N2 trúng 6.300.000 đồng. Cụ thể: lô số 58 x 30 điểm, 52 x 10 điểm đối với đài Đ1; lô số 58 x 30 điểm đối với đài C1; lô số 16 x 20 điểm đối với đài Sóc Trăng. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của N2 và T là 23.115.000 đồng.

- Nguyễn Thị Kim Y trực tiếp ghi số lô đề đài miền N với T qua ứng dụng Zalo, với tổng số tiền trên tịch đề là 15.660.000 đồng. Cụ thể: đài Đồng Nai với tổng số tiền trên tịch đề là 5.580.000 đồng, đài Cần Thơ với tổng số tiền trên tịch đề là 5.580.000 đồng, đài Sóc Trăng với tổng số tiền trên tịch đề là 4.500.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số, tịch đề của Y trúng 4.900.000 đồng. Cụ thể: lô số 58 x 30 điểm đối với đài Đ1; lô số 58 x 30 điểm, 42 x 10 điểm đối với đài C1. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của Y và T là 20.560.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc đối với đài miền N của Trần Văn T là 104.175.000 đồng, Bùi Thị C là 60.500.000 đồng, Trần Thị N2 là 23.115.000 đồng, Nguyễn Thị Kim Y là 20.560.00 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 540.000 đồng.

*** Đối với đài miền T (tỉnh Khánh Hòa, thành phố Đà Nẵng)**

- Bùi Thị C ghi số lô đề đài miền T cho khoảng 07 – 08 đối tượng lạ mặt với tổng số tiền trên tịch đề là 34.500.000 đồng. Cụ thể: đài Khánh Hòa với tổng số tiền trên tịch đề là 21.150.000 đồng, đài Đà Nẵng với tổng số tiền trên tịch đề là 13.350.000 đồng. Số tiền thực tế C đã nhận từ người chơi đề là 24.840.000 đồng. C sử dụng tài khoản zalo của ông Trịnh N1 (sinh năm 1965, trú ở thôn C, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) chuyển tịch đề cho T. Đối chiếu kết quả xổ số, tịch đề của C trúng 15.050.000 đồng. Cụ thể: lô số 67 x 10 điểm, 73 x 70 điểm, 07 x 10 điểm, 42 x 20 điểm, 32 x 10 điểm (trúng 02 lô), đầu số 07 số tiền 25.000 đồng đối với đài K; lô số 20 x 10 điểm, 42 x 10 điểm đối với đài Đ2. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của C và T là 49.550.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 517.500 đồng.

- Trần Thị N2 trực tiếp ghi số lô đề đài miền T với T qua ứng dụng Zalo, với tổng số tiền trên tịch đề là 15.410.000 đồng. Cụ thể: đài Khánh Hòa với tổng số tiền trên tịch đề là 8.300.000 đồng, đài Đà Nẵng với tổng số tiền trên tịch đề là 7.110.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số, tịch đề của N2 trúng 17.550.000 đồng. Cụ thể: lô số 73 x 30 điểm, 331 x 10 điểm, 53 x 30 điểm đối với đài K; lô số 20 x 30 điểm, 04 x 30 điểm, 78 x 05 điểm, 39 x 40 điểm đối với đài Đ2. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của N2 và T là 32.960.000 đồng.

- Nguyễn Thị Kim Y trực tiếp ghi số lô đề đài miền T với T qua ứng dụng Zalo, với tổng số tiền trên tịch đề là 6.470.000 đồng. Cụ thể: đài Khánh Hòa với tổng số tiền trên tịch đề là 3.620.000 đồng, đài Đà Nẵng với tổng số tiền trên tịch đề là 2.850.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số, tịch đề của Y trúng 4.200.000 đồng.

Cụ thể: lô số 27 x 30 điểm, 87 x 330 điểm đối với đài Đ2. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của Y và T là 10.670.000 đồng.

- Đối tượng “Chín Tân” trực tiếp ghi số lô đề đài miền T2 với T với tổng số tiền trên tịch đề là 720.000 đồng. Cụ thể: đài Khánh Hòa với tổng số tiền trên tịch đề là 540.000 đồng, đài Đà Nẵng với tổng số tiền trên tịch đề là 180.000 đồng. Số tiền thực tế T đã nhận từ “Chín Tân” là 518.400 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số, tịch đề của “Chín Tân” không trúng. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của “Chín Tân” và T là 720.000 đồng.

- Đối tượng “Nhí dè” trực tiếp ghi số lô đề đài miền T tỉnh Khánh Hòa với T với tổng số tiền trên tịch đề là 1.065.000 đồng. Số tiền thực tế T đã nhận từ “Nhí dè” là 766.800 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số tỉnh Khánh Hòa, tịch đề của “Nhí dè” trúng các lô số 42 x 20 điểm, 27 x 10 điểm, đuôi số 27 số tiền 10.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của “Nhí dè” và T là 3.865.000 đồng.

- Đối tượng “Định” trực tiếp ghi số lô đề đài miền T tỉnh Khánh Hòa với T với tổng số tiền trên tịch đề là 360.000 đồng. Số tiền thực tế T đã nhận từ “Định” 259.200 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số tỉnh Khánh Hòa, tịch đề của “Định” không trúng. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của “Đ” và T là 360.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc đối với đài miền T của Trần Văn T là 98.125.000 đồng, Bùi Thị C là 49.550.000 đồng, Trần Thị N2 là 32.960.000 đồng, Nguyễn Thị Kim Y là 10.670.000 đồng, đối tượng “Chín Tân” là 720.000 đồng, đối tượng “Nhí dè” là 3.865.000 đồng, đối tượng “Định” là 360.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 517.500 đồng.

Khi Công an thị xã H kiểm tra hành chính vào ngày 20/12/2023, Bùi Thị C chưa chuyển tiền cho Trần Văn T. Trong ngày 20/12/2023, Bùi Thị C đã thực nhận từ người chơi đề là 50.760.000 đồng, Trần Văn T đã thực nhận từ người chơi đề là 1.544.400 đồng.

Kết luận giám định số 21/KL-KTHS ngày 07/02/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: phục hồi dữ liệu của 04 điện thoại gửi giám định nhưng không tìm thấy dữ liệu tin nhắn đã xóa có nội dung liên quan đến hoạt động ghi số lô đề trong ứng dụng tin nhắn điện thoại, ứng dụng zalo, ứng dụng Facebook Messenger.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Bùi Thị C, Trần Thị N2 và Nguyễn Thị Kim Y phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến ngày 19/01/2024.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Thị

C 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến ngày 09/01/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Trần Thị N2 30 tháng cải tạo không giam giữ, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Y 24 tháng cải tạo không giam giữ, quyết định về hình phạt bổ sung, về số tiền thu lợi bất chính, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 25/7/2024 các bị cáo Trần Văn T, Bùi Thị C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa bị cáo T bổ sung kháng cáo xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 355, Điều 356; điểm b khoản 2 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của bị cáo Trần Văn T. Giữ y quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định về phần xử lý vật chứng đối với bị cáo Bùi Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Văn T, Bùi Thị C đều khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định vụ án như sau: Trong ngày 20/12/2023 Trần Văn T, Bùi Thị C, Trần Văn N3, Nguyễn Thị Kim Y có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi lô đề thắng thua bằng tiền Việt Nam dựa trên kết quả xổ số kiến thiết các Đài M và Đài M. Cụ thể như sau:

- Trần Văn T thỏa thuận với Bùi Thị C, ghi lô đề rồi chuyển tịch đề cho T, trong đó C ghi lô đề cho Nguyễn Thị Kim Y, Trần Thị N2, “Nhí dè”, Đ và Chín T3, T đã thực hiện đã 9 lần đánh bạc dưới hình thức ghi lô đề thắng thua bằng tiền Việt Nam dựa trên kết quả xổ số đài miền N là 104.175.000 đồng và đài miền T2 là 98.125.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 202.300.000 đồng trong đó có 06 lần đánh bạc từ đủ 5.000.000 đồng trở lên.

- Bùi Thị C đã 04 lần đánh bạc dưới hình thức ghi lô đề thắng thua bằng tiền Việt Nam với nhiều người dựa trên kết quả xổ số đài miền N rồi tổng hợp chuyển tịch đề cho Trần Văn T để hưởng tiền hoa hồng với số tiền là 60.500.000 đồng và đài miền T2 là 49.550.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 110.050.000 đồng

trong đó có 04 lần đánh bạc từ đủ 5.000.000 đồng trở lên, C thu lợi bất chính 1.057.500 đồng.

- Trần Thị N2 trực tiếp mua lô đề với Trần Văn T, đã 02 lần đánh bạc dưới hình thức ghi lô đề thắng thua bằng tiền Việt Nam dựa trên kết quả xổ số đài miền N là 23.115.000 đồng và miền T, là 32.960.000 đồng với tổng số tiền đánh bạc là 56.075.000 đồng, trong đó cả 02 lần đánh bạc từ đủ 5.000.000 đồng trở lên.

- Nguyễn Thị Kim Y trực tiếp mua lô đề với Trần Văn T, đã 02 lần đánh bạc dưới hình thức ghi lô đề thắng thua bằng tiền Việt Nam dựa trên kết quả xổ số đài miền N là 20.560.00 đồng và miền T là 10.670.000 đồng với tổng số tiền đánh bạc là 31.230.000 đồng trong đó cả 02 lần đánh bạc từ đủ 5.000.000 đồng trở lên.

Do đó, Toà án nhân dân thị xã H đã kết án bị cáo Trần Văn T và Bùi Thị C về tội “Đánh bạc”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Trần Thị N2 và Nguyễn Thị Kim Y về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu xin giảm hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Trần Văn T, Bùi Thị C, hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc là trên 50.000.000 đồng nên phạm vào điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 năm 06 tháng tù là phù hợp. Bị cáo là người chủ mưu cầm đầu có vai trò cao hơn các bị cáo khác, nên mức án phải cao bị cáo C là tương xứng. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ nào khác để làm căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo. Do đó, hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Trần Văn T.

Đối với bị cáo Bùi Thị C, Toà án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 03 năm tù. Ngoài ra còn tuyên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước đối với số tiền các bị cáo thu lợi bất chính 33.591.700 đồng. Tuy nhiên, tại thông báo số 1072/2024/TB-TA ngày 30/8/2024 Toà án nhân dân thị xã H đã ban hành thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án như sau: “4. Về số tiền thu lợi bất chính: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 33.591.700 đồng hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1007670.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H (theo phiếu Ủy nhiệm chi ngày 07/6/2024).

Buộc bị cáo Bùi Thị C nộp số tiền 41.665.000 đồng (Bốn mươi một triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), đây là số tiền bị cáo thực nhận từ những người đánh bạc để sung vào ngân sách Nhà nước.”

Theo bản án số 67/2024/HSST ngày 18/7/2024 của Toà án nhân dân thị xã H thì nội dung sửa chữa bổ sung này không thể hiện trong phần quyết định của bản án. Tại Biên bản nghị án của hội đồng xét xử cũng không có nội dung này, nội dung này chưa được thảo luận tại phần nghị án. Theo quy định tại Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì các nội dung trong đó có phần xử lý vật chứng đều được

thảo luận thông qua tại phiên nghị án. Việc Tòa án nhân dân thị xã H đình chính về phần vật chứng nhưng không thể hiện tại Biên bản nghị án và Bản án nên nên đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy cần huỷ án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Do huỷ Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng đối với số tiền bị cáo Bùi Thị C phạm tội mà có, nên không xem xét đến kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Bùi Thị C.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm b, f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Bùi Thị C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T. Hủy bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định về phần xử lý vật chứng liên quan đến bị cáo Bùi Thị C là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Văn T.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (Ba) năm 06 (S) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến ngày 19/01/2024.

3. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định về phần xử lý vật chứng đối với bị cáo Bùi Thị C. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định xét xử lại vụ án theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm b, f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Bùi Thị C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an thị xã H;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Xuân